

Số: 46/2017/QĐST-DS

Ba Tri, ngày 05 tháng 9 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 25 tháng 8 năm 2017 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 102/2017/TLST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: 1. Ông Lê Trọng T, sinh năm 1973;

2. Bà Phạm Thị Thanh T, sinh năm 1977;

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: 1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1979;

2. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1974;

(Ông C ủy quyền cho bà K theo văn bản ủy quyền ngày 18/8/2017)

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Lê Trọng T, bà Phạm Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị K thống nhất thỏa thuận như sau:

Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị K có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Trọng T và bà Phạm Thị Thanh T số tiền 477.805.000đ (bốn trăm bảy mươi bảy triệu tám trăm lẻ năm nghìn đồng). Trong đó, tiền gốc là 465.000.000đ (bốn trăm sáu mươi lăm triệu đồng), tiền lãi là 12.805.000đ (mười hai triệu tám trăm lẻ năm nghìn đồng). Thời gian trả được ấn định cụ thể như sau:

- Ngày 17/9/2017: trả 310.805.000đ (ba trăm mười triệu tám trăm lẻ năm

ngàn đồng). Trong đó, tiền gốc là 298.000.000đ (hai trăm chín mươi tám triệu đồng), tiền lãi là 12.805.000đ (mười hai triệu tám trăm lẻ năm ngàn đồng);

- Ngày 17/10/2017: trả 6.000.000đ (sáu triệu đồng);
- Ngày 17/11/2017: trả 6.000.000đ (sáu triệu đồng);
- Ngày 17/12/2017: trả 6.000.000đ (sáu triệu đồng);
- Ngày 17/01/2018: trả 6.000.000đ (sáu triệu đồng);
- Ngày 17/02/2018: trả 6.000.000đ (sáu triệu đồng);
- Ngày 17/3/2018: trả 6.000.000đ (sáu triệu đồng);
- Ngày 17/4/2018: trả 6.000.000đ (sáu triệu đồng);
- Ngày 17/5/2018: trả 6.000.000đ (sáu triệu đồng);
- Ngày 17/6/2018: trả 6.000.000đ (sáu triệu đồng);
- Ngày 17/7/2018: trả 6.000.000đ (sáu triệu đồng);
- Ngày 17/8/2018: trả 6.000.000đ (sáu triệu đồng);
- Ngày 17/9/2018: trả 6.000.000đ (sáu triệu đồng);
- Ngày 17/10/2018: trả 6.000.000đ (sáu triệu đồng);
- Ngày 17/11/2018: trả 6.000.000đ (sáu triệu đồng);
- Ngày 17/12/2018: trả 6.000.000đ (sáu triệu đồng);
- Ngày 17/01/2019: trả 6.000.000đ (sáu triệu đồng);
- Ngày 17/02/2019: trả 6.000.000đ (sáu triệu đồng);
- Ngày 17/3/2019: trả 6.000.000đ (sáu triệu đồng);
- Ngày 17/4/2019: trả 6.000.000đ (sáu triệu đồng);
- Ngày 17/5/2019: trả 6.000.000đ (sáu triệu đồng);
- Ngày 17/6/2019: trả 6.000.000đ (sáu triệu đồng);
- Ngày 17/7/2019: trả 6.000.000đ (sáu triệu đồng);
- Ngày 17/8/2019: trả 6.000.000đ (sáu triệu đồng);
- Ngày 17/9/2019: trả 6.000.000đ (sáu triệu đồng);
- Ngày 17/10/2019: trả 6.000.000đ (sáu triệu đồng);
- Ngày 17/11/2019: trả 6.000.000đ (sáu triệu đồng);
- Ngày 17/12/2019: trả 6.000.000đ (sáu triệu đồng);
- Ngày 17/01/2020: trả 5.000.000đ (năm triệu đồng);

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Án phí DS-ST có giá ngạch do hòa giải thành được giảm 50% (10.000.000đ + 77.805.000đ x 2%): 11.556.000đ (mười một triệu năm trăm năm mươi sáu ngàn đồng) ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị K đồng ý nộp.

Trả lại cho ông Lê Trọng T và bà Phạm Thị Thanh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.556.000đ (mười một triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007305 ngày 15/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi Cục THADS huyện Ba Tri;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Đặng Thị Ngọc Duyên